

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Thanh T, sinh năm 1992; HKTT: Tổ 20, ấp HL 1, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh AG (có đơn xin vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh E, sinh năm: 1991; Địa chỉ: số 369/14, khóm ĐT 6, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG (vắng mặt lần 2 không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông E do tự quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 156, ngày 17/10/2019, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không tôn trọng và tin tưởng nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông E.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh E không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do đó, để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề nghị chấp nhận giao con chung tên H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: bà T yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét đến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Thanh E được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lý Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh E. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 04/12/2021, Công an phường MP, thành phố Long Xuyên xác nhận: Đương sự Nguyễn Thanh E, sinh năm 1991, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 369/14, khóm ĐT 6, phường MP, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà Lý Thị Thanh E có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh E mặc dù được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông E vẫn không tham dự phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a, b khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Thanh T và ông Nguyễn Thanh E xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên bà T cương quyết yêu cầu ly hôn, ông E cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông E, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục.

Xét thấy, sau khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì cháu H do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và vẫn phát triển tốt về mọi mặt; quá trình giải quyết, ông E không có văn bản trình bày ý kiến phản đối về việc giao cháu H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu H khi bà T và ông E ly hôn, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ (một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đối với một người con chưa thành niên. Bà Thảo yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020 mỗi tháng số tiền là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi trưởng thành là phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020 số tiền là 750.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông E không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định.

[8] Về án phí: Bà Lý Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Thanh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Thanh T với ông Nguyễn Thanh E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 156 do Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố Long Xuyên, tỉnh AG cấp cho bà Lý Thị Thanh T với ông Nguyễn Thanh E ngày 17/10/2019 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020 cho bà Lý Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

Ông Nguyễn Thanh E không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông E thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Thanh E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày: 10/01/2020 với số tiền 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000879 ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Ông Nguyễn Thanh E phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

[7] Về quyền kháng cáo:

Bà T và ông E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- UBND P. MP, TP Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

